

Số: 313 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 23 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH
Phát triển ngành hoa, cây cảnh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 4081/QĐ-BNN-TT ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án phát triển ngành hoa, cây cảnh đến năm 2030;

Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc phát triển du lịch thành ngành kinh tế quan trọng vào nội dung các căn cứ pháp lý;

Thực hiện Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt Đề án “Phát triển nông nghiệp đô thị vùng Tây Nam tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

Sau khi xem xét nội dung báo cáo, kiến nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 4366/TTr-SNN ngày 11 tháng 9 năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển hoa, cây cảnh trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng ngành hoa, cây cảnh từng bước phát triển bền vững, gắn liền với việc đa giá trị sản phẩm nông nghiệp như phục vụ chế biến, du lịch, ...; góp phần quan trọng trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tăng thu nhập cho người sản xuất và nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025: Diện tích hoa, cây cảnh trên toàn tỉnh đạt 709 ha. Trong đó: hoa 605 ha, cây cảnh 104 ha.

b) Đến năm 2030: Diện tích hoa, cây cảnh trên toàn tỉnh đạt 856 ha. Trong đó: hoa 708 ha, cây cảnh 148 ha.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Tập trung phát triển sản xuất hoa cắt cành (cúc, lay ơn, huệ), hoa lan, hoa sen, bon sai, cây cảnh công trình chủ yếu ở các địa phương như: Xuân Lộc, Thống Nhất, thành phố Long Khánh và Biên Hòa...

(Phụ lục I đính kèm).

1. Về công tác tuyên truyền

Đẩy mạnh tuyên truyền bằng nhiều hình thức (báo, đài, hội nghị, ...) về ý nghĩa của sinh vật cảnh trong đời sống, tạo cảnh quan đô thị xanh - sạch - đẹp, góp phần giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu; định hướng phát triển ngành hoa, cây cảnh trên địa bàn tỉnh, các chính sách hỗ trợ phát triển, các mô hình sản xuất tiêu biểu, tình hình thị trường, các kỹ thuật, công nghệ ứng dụng hiệu quả trong sản xuất hoa cảnh, ... Đối với các huyện, thành phố vùng Tây Nam, thực hiện lồng ghép trong Đề án Nông nghiệp đô thị vùng Tây Nam tỉnh Đồng Nai.

2. Về tổ chức sản xuất

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án Nông nghiệp đô thị vùng Tây Nam về hình thành vùng chuyên sản xuất và cung ứng bonsai, cây cảnh, hoa lan, hoa nền các loại; định hướng phát triển hoa, cây cảnh trong phương án quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030; lồng ghép trong quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch vùng nông nghiệp công nghệ cao.

Tạo điều kiện thuận lợi theo quy định của pháp luật để các doanh nghiệp thành lập và hoạt động sản xuất, kinh doanh hoa, cây cảnh. Hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất hoa, cây cảnh phát triển; chú trọng nâng cao chất lượng hoạt động và tăng cường năng lực cho hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất hoa, cây cảnh.

Phát triển chuỗi sản xuất hoa, cây cảnh trong đó doanh nghiệp là trọng tâm liên kết với các hộ gia đình thông qua hợp tác xã, tổ hợp tác.

3. Về khoa học công nghệ

Tăng cường công tác nghiên cứu, chọn tạo các giống hoa, cây cảnh có chất lượng tốt, đặc trưng và phù hợp với điều kiện của tỉnh, thị hiếu người tiêu dùng để định hướng phát triển trên địa bàn tỉnh.

Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất hoa, cây cảnh từ khâu nhân giống, trồng, chăm sóc, tạo tán, thu hái, sơ chế, bảo quản sản phẩm; khuyến khích ứng dụng quy trình canh tác bền vững: hạn chế sử dụng hóa chất vô cơ; tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học.

Chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất hoa, cây cảnh như: Các giống hoa, cây cảnh mới có giá trị kinh tế cao, phù hợp điều kiện sản xuất và thị trường tiêu thụ của tỉnh; quy trình trồng và chăm sóc phù hợp với từng giống hoa, cây cảnh; cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất và thu hoạch; hệ thống canh tác không cần đất; kỹ thuật sản xuất hoa, cây cảnh thích ứng với biến đổi khí hậu, kỹ thuật điều khiển thời điểm ra hoa, kỹ thuật xử lý ra hoa đồng loạt; kỹ thuật, công nghệ sau thu hoạch đối với hoa, cây cảnh; các mô hình nhà màng, nhà lưới phù hợp với điều kiện đầu tư của người sản xuất; ứng dụng chuyển đổi số trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hoa, cây cảnh.

4. Về xúc tiến thương mại

Đẩy mạnh hỗ trợ phát triển thương mại điện tử, xây dựng website, nhãn hiệu hàng hoá cho các cơ sở sản xuất hoa, cây cảnh.

Hỗ trợ các cơ sở sản xuất hoa, cây cảnh tham gia các hoạt động trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại các hội chợ, triển lãm thương mại, sinh vật cảnh và hội hoa xuân trong và ngoài tỉnh.

5. Về cơ chế, chính sách

Tổ chức thực hiện tốt các chính sách liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn: Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất; chính sách phát triển ngành nghề nông thôn; chính sách phát triển hợp tác xã, ...

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện phát triển sản xuất hoa, cây cảnh trên địa bàn tỉnh từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí ngoài ngân sách đầu tư theo quy định pháp luật.

- Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước: Tổng dự toán thực hiện **58.318,8 triệu đồng**. Ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện đảm bảo theo quy định, được phân bổ từ nguồn kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2024-2030 và kinh phí lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch có liên quan (Chương trình khuyến nông, Chương trình khoa học công nghệ, Chương trình hỗ trợ xúc tiến thương mại, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Đề án Nông nghiệp đô thị vùng Tây Nam, ...).

- Nguồn kinh phí ngoài ngân sách: Kinh phí đầu tư của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

(Phụ lục II đính kèm)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển ngành hoa, cây cảnh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

b) Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất hoa, cây cảnh trên địa bàn tỉnh; xây dựng và nhân rộng các mô hình ứng dụng công nghệ cao về hoa, cây cảnh, nhất là các mô hình nhà màng, nhà lưới phù hợp với điều kiện đầu tư của người sản xuất.

c) Phát động các phong trào trồng hoa, cây cảnh gắn với xây dựng nông thôn mới.

d) Chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tình hình triển khai thực hiện kế hoạch; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Xây dựng kế hoạch triển khai trên địa bàn huyện, thành phố.

b) Thực hiện tốt các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất; công tác đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất hoa, cây cảnh.

c) Hỗ trợ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp lập, triển khai các dự án đầu tư phát triển sản xuất hoa, cây cảnh tại địa phương.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư xây dựng các vùng sản xuất quy mô hàng hóa các chủng loại hoa, cây cảnh có giá trị kinh tế cao (nếu có).

b) Trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố về dự án trong lĩnh vực sản xuất hoa, cây cảnh ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư cập nhật danh mục dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định.

4. Sở Tài chính: Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn để thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách tỉnh.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành có liên quan tổ chức quản lý, triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ kế hoạch phát triển ngành hoa, cây cảnh trên cơ sở đề xuất, đặt hàng của các đơn vị.

b) Hỗ trợ, hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh hoa, cây cảnh trên địa bàn tỉnh vận dụng chính sách, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ; ứng dụng và đổi mới công nghệ để phát triển sản xuất.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Khảo sát, nghiên cứu gắn kết các cơ sở trồng hoa phù hợp vào các tuyến điểm nội tỉnh làm phong phú sản phẩm du lịch.

7. Sở Công Thương: Chủ trì, hàng năm xây dựng chương trình xúc tiến thương mại, trong đó lồng ghép nông dung xúc tiến tiêu thụ các sản phẩm hoa, cây cảnh cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

8. Đề nghị Hội Nông dân tỉnh: Chỉ đạo các cấp hội cơ sở tích cực phối hợp với ngành nông nghiệp và địa phương tuyên truyền, vận động nông dân tích cực sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực hoa, cây cảnh trên địa bàn tỉnh.

9. Hội Sinh vật cảnh, Hội Làm vườn tỉnh: Phối hợp tổ chức tập huấn kỹ thuật trồng hoa, cây cảnh cho các nông hộ; hỗ trợ, hướng dẫn, tạo điều kiện cho các nhà vườn, nghệ nhân tham gia hội thi, triển lãm, tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm sản xuất - thị trường tiêu thụ, ...

10. Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai, Báo Đồng Nai

Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng nội dung, chương trình tuyên truyền về phát triển sản xuất ngành hoa, cây cảnh trên địa bàn tỉnh.

11. Chế độ báo cáo

Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh thực hiện chế độ báo cáo kết quả thực hiện **trước ngày 10/12** hàng năm, thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn **trước ngày 31/12** hàng năm.

Trên đây là Kế hoạch Phát triển ngành hoa, cây cảnh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
 - Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
 - Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
 - Hội Nông dân tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
 - Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Văn hóa Thể thao và Du lịch;
 - Hội Sinh vật cảnh, Hội làm vườn tỉnh;
 - Đài Phát thanh – Truyền hình Đồng Nai;
 - Báo Đồng Nai;
 - UBND các huyện, thành phố;
 - Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, KTNS, KTN.
- (Khoa/Khoavacaycanh/16.9-550)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



Phụ lục I

**ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT HOA, CÂY CẢNH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Kế hoạch số 313 /KH-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Stt	HUYỆN/TP	Hiện trạng (ha)			Định hướng (ha)		So sánh tăng/giảm (ha)		
		2021	2022	2023	2025	2030	So với 2023		So với 2025
1	2	3	4	5	6	7	8=6-5	9=7-5	10=7-6
	TOÀN TỈNH	1.137,52	1.147,57	689,42	709,93	856,00	20,51	166,58	146,07
-	NHÓM HOA	1.072,96	1.085,41	588,69	605,03	708,00	16,34	119,31	102,97
	Hoa cắt cành	152,00	152,90	193,40	194,20	231,00	0,80	37,60	36,80
	Hoa trồng chậu	-	-	-	-	-	-	-	-
	Hoa lan	54,45	52,53	69,34	79,95	114,00	10,61	44,66	34,05
	Hoa sen, súng	817,70	830,90	275,00	279,00	301,00	4,00	26,00	22,00
	Hoa khác	48,81	49,08	50,95	51,88	62,00	0,93	11,05	10,12
-	NHÓM CÂY CẢNH	64,56	62,16	100,73	104,90	148,00	4,17	47,27	43,10
	Cây cảnh truyền thống	31,34	26,04	30,26	32,10	48,00	1,84	17,74	15,90
	Cây cảnh có hoa	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh có quả	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh lá	-	-	-	-	-	-	-	-
	Bon sai, cây thế	4,72	4,72	7,57	9,40	22,00	1,83	14,43	12,60
	Cây cảnh khác	28,50	31,40	62,90	63,40	78,00	0,50	15,10	14,60
1	Long Khánh	4,57	6,67	3,40	6,50	19,00	3,10	15,60	12,50
-	Nhóm hoa	4,27	6,27	3,00	6,00	17,00	3,00	14,00	11,00
	Hoa cắt cành	1,00	5,00	2,00	2,00	5,00	-	3,00	3,00
	Hoa trồng chậu	-	-	-	-	-	-	-	-
	Hoa lan	3,27	1,27	1,00	3,00	7,00	2,00	6,00	4,00
	Hoa sen, súng	-	-	-	1,00	5,00	1,00	5,00	4,00
	Hoa khác	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Nhóm cây cảnh	0,30	0,40	0,40	0,50	2,00	0,10	1,60	1,50
	Cây cảnh truyền thống	0,30	0,40	0,40	0,50	2,00	0,10	1,60	1,50
	Cây cảnh có hoa	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh có quả	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh lá	-	-	-	-	-	-	-	-
	Bon sai, cây thế	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh khác	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Thống Nhất	33,00	36,00	57,00	57,00	72,00	-	15,00	15,00
-	Nhóm hoa	33,00	36,00	57,00	57,00	72,00	-	15,00	15,00
	Hoa cắt cành	33,00	36,00	57,00	57,00	72,00	-	15,00	15,00
	Hoa trồng chậu	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	HUYỆN/TP	Hiện trạng (ha)			Định hướng (ha)		So sánh tăng/giảm (ha)		
		2021	2022	2023	2025	2030	So với 2023		So với 2025
	Hoa lan	-	-	-	-	-	-	-	-
	Hoa sen, súng	-	-	-	-	-	-	-	-
	Hoa khác	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Nhóm cây cảnh	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh truyền thống	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh có hoa	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh có quả	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh lá	-	-	-	-	-	-	-	-
	Bon sai, cây thế	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh khác	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Vĩnh Cửu	32,70	21,82	33,71	34,50	47,00	0,79	13,29	12,50
-	Nhóm hoa	24,40	19,02	30,70	30,70	42,00	-	11,30	11,30
	Hoa cắt cảnh	3,80	1,20	0,70	0,70	2,00	-	1,30	1,30
	Hoa trồng chậu	-	-	-	-	-	-	-	-
	Hoa lan	16,90	13,90	29,00	29,00	35,00	-	6,00	6,00
	Hoa sen, súng	3,70	3,70	1,00	1,00	5,00	-	4,00	4,00
	Hoa khác	-	0,22	-	-	-	-	-	-
-	Nhóm cây cảnh	8,30	2,80	3,01	3,80	5,00	0,79	1,99	1,20
	Cây cảnh truyền thống	6,00	2,80	3,01	3,50	4,00	0,49	0,99	0,50
	Cây cảnh có hoa	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh có quả	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh lá	-	-	-	-	-	-	-	-
	Bon sai, cây thế	0,30	-	-	0,30	1,00	0,30	1,00	0,70
	Cây cảnh khác	2,00	-	-	-	-	-	-	-
4	Biên Hòa	95,64	98,84	50,84	51,10	63,00	0,26	12,16	11,90
-	Nhóm hoa	91,70	94,20	46,20	46,20	55,00	-	8,80	8,80
	Hoa cắt cảnh	-	2,50	5,00	5,00	7,00	-	2,00	2,00
	Hoa trồng chậu	-	-	-	-	-	-	-	-
	Hoa lan	3,50	4,05	7,00	7,00	12,00	-	5,00	5,00
	Hoa sen, súng	75,00	76,00	26,00	26,00	26,00	-	-	-
	Hoa khác	13,20	11,65	8,20	8,20	10,00	-	1,80	1,80
-	Nhóm cây cảnh	3,94	4,64	4,64	4,90	8,00	0,26	3,36	3,10
	Cây cảnh truyền thống	2,62	3,32	3,32	3,40	5,00	0,08	1,68	1,60
	Cây cảnh có hoa	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh có quả	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh lá	-	-	-	-	-	-	-	-
	Bon sai, cây thế	1,32	1,32	1,32	1,50	3,00	0,18	1,68	1,50
	Cây cảnh khác	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Nhơn Trạch	292,10	304,30	60,20	61,00	73,00	0,80	12,80	12,00
-	Nhóm hoa	286,60	298,80	54,60	55,30	64,00	0,70	9,40	8,70

Stt	HUYỆN/TP	Hiện trạng (ha)			Định hướng (ha)		So sánh tăng/giảm (ha)		
		2021	2022	2023	2025	2030	So với 2023		So với 2025
	Hoa cắt cành	-	-	0,30	1,00	6,00	0,70	5,70	5,00
	Hoa trồng chậu	-	-	-	-	-	-	-	-
	Hoa lan	0,20	0,60	0,60	0,60	3,00	-	2,40	2,40
	Hoa sen, súng	286,00	297,00	52,00	52,00	52,00	-	-	-
	Hoa khác	0,40	1,20	1,70	1,70	3,00	-	1,30	1,30
-	Nhóm cây cảnh	5,50	5,50	5,60	5,70	9,00	0,10	3,40	3,30
	Cây cảnh truyền thống	5,00	5,00	5,10	5,20	7,00	0,10	1,90	1,80
	Cây cảnh có hoa	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh có quả	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh lá	-	-	-	-	-	-	-	-
	Bon sai, cây thế	0,50	0,50	0,50	0,50	2,00	-	1,50	1,50
	Cây cảnh khác	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Long Thành	6,00	7,00	-	0,80	10,00	0,80	10,00	9,20
-	Nhóm hoa	6,00	7,00	-	-	5,00	-	5,00	5,00
	Hoa cắt cành	-	-	-	-	-	-	-	-
	Hoa trồng chậu	-	-	-	-	-	-	-	-
	Hoa lan	-	-	-	-	-	-	-	-
	Hoa sen, súng	6,00	7,00	-	-	5,00	-	5,00	5,00
	Hoa khác	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Nhóm cây cảnh	-	-	-	0,80	5,00	0,80	5,00	4,20
	Cây cảnh truyền thống	-	-	-	0,30	2,00	0,30	2,00	1,70
	Cây cảnh có hoa	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh có quả	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh lá	-	-	-	-	-	-	-	-
	Bon sai, cây thế	-	-	-	0,50	3,00	0,50	3,00	2,50
	Cây cảnh khác	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Trảng Bom	40,50	44,17	39,31	40,23	51,00	0,92	11,69	10,77
-	Nhóm hoa	14,48	13,85	10,33	10,33	12,00	-	1,67	1,67
	Hoa cắt cành	0,30	1,00	-	-	-	-	-	-
	Hoa trồng chậu	-	-	-	-	-	-	-	-
	Hoa lan	5,35	4,70	2,85	2,85	4,00	-	1,15	1,15
	Hoa sen, súng	-	-	-	-	-	-	-	-
	Hoa khác	8,83	8,15	7,48	7,48	8,00	-	0,52	0,52
-	Nhóm cây cảnh	26,02	30,32	28,98	29,90	39,00	0,92	10,02	9,10
	Cây cảnh truyền thống	3,72	2,82	4,73	5,00	7,00	0,27	2,27	2,00
	Cây cảnh có hoa	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh có quả	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh lá	-	-	-	-	-	-	-	-
	Bon sai, cây thế	1,40	0,40	0,75	0,90	2,00	0,15	1,25	1,10
	Cây cảnh khác	20,90	27,10	23,50	24,00	30,00	0,50	6,50	6,00

Stt	HUYỆN/TP	Hiện trạng (ha)			Định hướng (ha)		So sánh tăng/giảm (ha)		
		2021	2022	2023	2025	2030	So với 2023		So với 2025
8	Cẩm Mỹ	4,00	4,00	4,00	4,00	6,00	-	2,00	2,00
-	Nhóm hoa	4,00	4,00	4,00	4,00	6,00	-	2,00	2,00
	Hoa cắt cành	2,00	2,00	2,00	2,00	3,00	-	1,00	1,00
	Hoa trồng chậu	-	-	-	-	-	-	-	-
	Hoa lan	-	-	-	-	-	-	-	-
	Hoa sen, súng	-	-	-	-	-	-	-	-
	Hoa khác	2,00	2,00	2,00	2,00	3,00	-	1,00	1,00
-	Nhóm cây cảnh	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh truyền thống	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh có hoa	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh có quả	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh lá	-	-	-	-	-	-	-	-
	Bon sai, cây thế	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh khác	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Xuân Lộc	124,80	122,30	151,00	160,50	188,00	9,50	37,00	27,50
-	Nhóm hoa	119,00	116,50	143,90	153,00	175,00	9,10	31,10	22,00
	Hoa cắt cành	111,00	103,50	124,00	124,00	130,00	-	6,00	6,00
	Hoa trồng chậu	-	-	-	-	-	-	-	-
	Hoa lan	8,00	13,00	11,90	20,00	30,00	8,10	18,10	10,00
	Hoa sen, súng	-	-	-	1,00	5,00	1,00	5,00	4,00
	Hoa khác	-	-	8,00	8,00	10,00	-	2,00	2,00
-	Nhóm cây cảnh	5,80	5,80	7,10	7,50	13,00	0,40	5,90	5,50
	Cây cảnh truyền thống	3,50	3,50	4,80	5,00	7,00	0,20	2,20	2,00
	Cây cảnh có hoa	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh có quả	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh lá	-	-	-	-	-	-	-	-
	Bon sai, cây thế	-	1,30	1,30	1,50	3,00	0,20	1,70	1,50
	Cây cảnh khác	2,30	1,00	1,00	1,00	3,00	-	2,00	2,00
10	Tân Phú	473,20	471,90	235,50	236,20	247,00	0,70	11,50	10,80
-	Nhóm hoa	461,80	462,50	205,50	205,50	208,00	-	2,50	2,50
	Hoa cắt cành	-	-	0,50	0,50	1,00	-	0,50	0,50
	Hoa trồng chậu	-	-	-	-	-	-	-	-
	Hoa lan	5,30	4,70	1,50	1,50	3,00	-	1,50	1,50
	Hoa sen, súng	447,00	447,20	196,00	196,00	196,00	-	-	-
	Hoa khác	9,50	10,60	7,50	7,50	8,00	-	0,50	0,50
-	Nhóm cây cảnh	11,40	9,40	30,00	30,70	39,00	0,70	9,00	8,30
	Cây cảnh truyền thống	7,50	5,50	5,00	5,20	8,00	0,20	3,00	2,80
	Cây cảnh có hoa	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh có quả	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh lá	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	HUYỆN/TP	Hiện trạng (ha)			Định hướng (ha)		So sánh tăng/giảm (ha)		
		2021	2022	2023	2025	2030	So với 2023		So với 2025
	Bon sai, cây thế	1,00	1,00	3,50	4,00	6,00	0,50	2,50	2,00
	Cây cảnh khác	2,90	2,90	21,50	21,50	25,00	-	3,50	3,50
11	Định Quán	31,01	30,57	54,46	58,10	80,00	3,64	25,54	21,90
-	Nhóm hoa	27,71	27,27	33,46	37,00	52,00	3,54	18,54	15,00
	Hoa cắt cành	0,90	1,70	1,90	2,00	5,00	0,10	3,10	3,00
	Hoa trồng chậu	-	-	-	-	-	-	-	-
	Hoa lan	11,93	10,31	15,49	16,00	20,00	0,51	4,51	4,00
	Hoa sen, súng	-	-	-	2,00	7,00	2,00	7,00	5,00
	Hoa khác	14,88	15,26	16,07	17,00	20,00	0,93	3,93	3,00
-	Nhóm cây cảnh	3,30	3,30	21,00	21,10	28,00	0,10	7,00	6,90
	Cây cảnh truyền thống	2,70	2,70	3,90	4,00	6,00	0,10	2,10	2,00
	Cây cảnh có hoa	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh có quả	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cây cảnh lá	-	-	-	-	-	-	-	-
	Bon sai, cây thế	0,20	0,20	0,20	0,20	2,00	-	1,80	1,80
	Cây cảnh khác	0,40	0,40	16,90	16,90	20,00	-	3,10	3,10

PHÂN NHÓM HOA, CÂY CẢNH

I	NHÓM HOA	CỤ THỂ
1	Hoa cắt cảnh	cúc, lay ơn, huệ, hồng, lily cao, đồng tiền cao, thực được, hướng dương, ...
2	Hoa trồng chậu	dạ yến thảo, đồng tiền lùn, lily lùn, sống đời, tiểu hồng môn,...
3	Hoa lan	
4	Hoa sen, súng	
5	Hoa khác	
II	NHÓM CÂY CẢNH	
1	Cây cảnh truyền thống	mai, đào, quất, trà, đỗ quyên,...
2	Cây cảnh có hoa	hoa giấy, mẫu đơn,...
3	Cây cảnh có quả	cam đường cảnh, bưởi, đu đủ,...
4	Cây cảnh lá	trầu bà, phú quý, thanh thiên, hồng môn, như ý, đuôi công, phát tài,...
5	Bon sai, cây thế	
6	Cây cảnh khác	tùng, xanh, si, ...



Phụ lục II

DỰ TOÁN KINH ĐÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN NGÀNH HOA, CÂY CẢNH ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 313 /KH-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung thực hiện	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí	Phân cấp ngân sách		Căn cứ pháp lý
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
	TỔNG CỘNG				58.318,80	8.395,30	49.923,50	
1	Tuyên truyền về sản xuất hoa, cây cảnh				861,70	607,60	254,10	
-	Tuyên truyền qua Đài truyền hình (2 phóng sự/năm)	Phóng sự	14	30,00	420,00	420,00		Theo thực tế
-	Tuyên truyền qua Báo (2 bài viết + 5 tin/năm)				154,00	154,00	-	
+	Bài viết + hình ảnh (khoảng từ 800 - 1200 từ/bài)	Bài viết	14	6,00	84,00	84,00		
+	Tin + hình ảnh (khoảng từ 150 - 300 từ/tin)	Tin	35	2,00	70,00	70,00		
-	Tuyên truyền trên trang thông tin điện tử Sở NN&PTNT (2 bài viết + 2 tin/năm) và cấp huyện (2 bài viết + 2 tin/năm)				287,70	33,60	254,10	Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 02/10/2015 và Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 05/11/2018
+	Bài viết + hình ảnh	Bài viết	91	1,50	136,50	21,00	115,50	
+	Tin + hình ảnh	Tin	168	0,90	151,20	12,60	138,60	
2	Tổ chức sản xuất				6.609,60	275,80	6.333,80	
-	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, điều hành HTX (cấp tỉnh 1 lớp/năm, cấp huyện 1 lớp/năm)	Lớp	84	8,80	739,20	61,60	677,60	Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020
-	Hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết sản xuất hoa, cây cảnh (01 dự án/huyện)	Dự án	11	300,00	3.300,00		3.300,00	Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018
-	Tổ chức học tập kinh nghiệm sản xuất hoa, cây cảnh ngoài tỉnh (cấp tỉnh 1 chuyển/năm, cấp huyện 1 chuyển/năm)	Chuyển	84	30,60	2.570,40	214,20	2.356,20	Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020
3	Khoa học công nghệ				45.128,30	4.010,30	41.118,00	
-	Tập huấn cho đối tượng nhận chuyển giao khoa học kỹ thuật - công nghệ (cấp tỉnh 1 lớp/năm, cấp huyện 1 lớp/năm)	Lớp	84	8,80	739,20	61,60	677,60	Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020
-	Xây dựng mô hình khuyến nông về giống, quy trình canh tác, ứng dụng công nghệ cao, ... (cấp tỉnh 1 MH/năm, cấp huyện 1 MH/năm)	Mô hình	84	500,00	42.000,00	3.500,00	38.500,00	
-	Tổ chức hội thảo nhân rộng mô hình	Cuộc	84		2.389,10	448,70	1.940,40	
+	Cấp tỉnh (01 cuộc/năm)	Cuộc	7	64,10	448,70	448,70		
+	Cấp huyện (01 cuộc/năm)	Cuộc	77	25,20	1.940,40		1.940,40	
4	Xúc tiến thương mại				2.419,20	201,60	2.217,60	
-	Đào tạo, tập huấn nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại cho người sản xuất (cấp tỉnh 1 lớp/năm, cấp huyện 1 lớp/năm)	Lớp	84	8,80	739,20	61,60	677,60	Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020
-	Hỗ trợ tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài tỉnh (cấp tỉnh 1 lần/năm, cấp huyện 1 lần/năm)	Lần/Đơn vị tham gia	84	20,00	1.680,00	140,00	1.540,00	Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021

Stt	Nội dung thực hiện	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí	Phân cấp ngân sách		Căn cứ pháp lý
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
5	Hỗ trợ các doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất hoa cây cảnh ứng dụng công nghệ cao	ha	11	300,00	3.300,00	3.300,00		Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018, Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 16/8/2021